

Hoà Bình, ngày tháng 02 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trung học, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chương trình GDPT**

*1.1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên và cán bộ quản lý*

Trong học kỳ I, năm học 2022-2023, Sở GD&ĐT đã tổ chức tốt việc bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cốt cán đối với các mô-đun theo kế hoạch: rà soát, bổ sung đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học; triển khai bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý đại trà theo phương thức bồi dưỡng thường xuyên, qua mạng,... gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường. Tăng cường vai trò của giáo viên cốt cán trong bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đại trà; đảm bảo 100% giáo viên dạy lớp 6, lớp 7, lớp 10 năm học 2022-2023 và lớp 8, lớp 11 năm học 2023-2024 được tập huấn, bồi dưỡng chương trình, sách giáo khoa mới.

Kết quả: 100% giáo viên dạy các lớp 6,7,10 năm học 2022-2023 được tập huấn, bồi dưỡng chương trình, sách giáo khoa mới. Tính đến tháng 1/2023, 100 giáo viên cốt cán cấp tỉnh (70 giáo viên THCS, 30 giáo viên THPT) được bồi dưỡng các mô-đun 6,7,8,9 của CT GDPT 2018.

*1.2. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*

Các đơn vị trường học xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018, Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 (điều chỉnh theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022), Công văn số 2315/SGDĐT-TrH ngày 29/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023.

Kết quả: 48 trường có cấp THPT và 233 trường có cấp THCS (đạt tỉ lệ 100%) xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023.

Hạn chế: Do mới bắt đầu thực hiện chương trình 2018 nên việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học ở một số trường vùng khó khăn chưa thật sự hiệu quả, còn một số lúng túng. Một số kế hoạch chưa bám sát thực tiễn nhà trường, các giải pháp chưa thật sự khả thi.

### *1.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học*

Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các nhà trường:

- Xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Đối với môn Lịch sử, tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong dạy học Lịch sử. Đối với môn Ngữ văn, thực hiện yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông, Công văn số 2312/SGDĐT-GDTrH ngày 29/8/2022 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

- Khuyến khích tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy hứng thú học tập của học sinh, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hoá thế giới. Tiếp tục thực hiện tốt việc sử dụng di sản trong dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục phù hợp.

Kết quả: Các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc hướng dẫn của Sở, tuy nhiên ở một số trường vùng sâu, vùng xa, chất lượng giờ dạy chưa thật sự đổi mới, hiệu quả chưa cao (1 số trường có cấp THCS ở các huyện Mai Châu, Kim Bôi, Lương Sơn)

### *1.4. Xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục*

Sở GD&ĐT tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dạy học bám sát đối tượng, phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh khá giỏi góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Kết quả:

- 48 trường có cấp THPT và 233 trường có cấp THCS (đạt tỉ lệ 100%) tổ

chức khảo sát chất lượng học lực đầu năm các khối lớp 10, 11,12 (đối với các trường có cấp THPT); các khối lớp 6,7,8,9 (đối với các trường có cấp THCS). Sở đã tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng đầu năm đối với 100% các trường có học sinh lớp 6 theo đề chung toàn tỉnh. Kết quả khảo sát và kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT là căn cứ để các nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục bám sát các đối tượng học sinh.

- 48 trường có cấp THPT và 233 trường có cấp THCS (đạt tỉ lệ 100%) tổ chức kiểm tra, đánh giá cuối kì theo đề chung của trường.

- Các nhà trường thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp nhằm tăng tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp và điểm trung bình tốt nghiệp THPT, trong đó chú trọng dạy học phân hóa, dạy học bám sát đối tượng học sinh.

### *1.5. Về hoạt động kiểm tra, đánh giá*

a) Thực hiện nghiêm việc đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT:

Đối với các khối lớp 8, lớp 9, lớp 11, lớp 12: Tiếp tục thực hiện các nội dung điều chỉnh theo Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 26/8/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với các khối lớp 6, lớp 7, lớp 10: Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

\* Kết quả đạt được:

- 48 trường có cấp THPT và 233 trường có cấp THCS (đạt tỉ lệ 100%) thực hiện nghiêm túc các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Các nhà trường tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng qui chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm thi và nhận xét đánh giá học sinh trong công tác thi và kiểm tra; đảm bảo khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực thực chất của học sinh trung học. Tổ chức kiểm tra học kỳ I bằng đề thi chung toàn trường. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đã có sự hướng tới năng lực của học sinh.

### *2.6. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng*

\* Văn bản hướng dẫn:

Sở GD&ĐT đã có Công văn số 2453/SGD&ĐT-TrH ngày 12/9/2022 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục nghề phổ thông và thi nghề phổ thông năm học 2022-2023.

\* Kết quả đạt được:

- Sở GD&ĐT đã có nhiều biện pháp để thực hiện công tác hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông như thực hiện giáo dục hướng nghiệp, tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, học sinh, thực hiện phân luồng trong tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

- Công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông cho học sinh THCS, THPT được chỉ đạo triển khai thực hiện thông qua các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt lớp, lớp nghề phổ thông.

- Năm 2022, có 86.6% học sinh tốt nghiệp THCS vào THPT, GDTX, 41% học sinh tốt nghiệp THPT vào đại học, cao đẳng. Số học sinh sau THCS đi học nghề chiếm 2.8% (chưa tính 11% học sinh vào 10 GDTX học với trung cấp nghề); số học sinh sau THCS ở nhà phụ giúp gia đình, đi làm trang trải cuộc sống hoặc vài năm sau mới đi học nghề chiếm 4.6%.

- Số lượng trường có cấp THCS có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương năm 2022 có 122 trường, chiếm 52.5%. Số lượng trường THCS có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu, chuyên môn, nghiệp vụ năm 2022 có 127 trường, chiếm 54.7%. Số lượng trường THPT có chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương năm 2022 có 30 trường chiếm 53,2%

- 100% trường THCS và THPT có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên làm công tác tư vấn hướng nghiệp, số giáo viên được tập huấn cấp THCS là 70 giáo viên chiếm 30%, cấp THPT 47 giáo viên chiếm 100%.

- Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 4 năm 2024, các trường có cấp THPT trên địa bàn huyện Mai Châu, Đà Bắc được thụ hưởng dự án “Tăng cường tiếp cận sinh kế cho thanh niên dân tộc thiểu số thông qua thúc đẩy các sáng kiến khởi nghiệp tại Việt Nam” của Trung tâm hợp tác phát triển Tây Bắc thuộc Liên Hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật tỉnh Hòa Bình, cụ thể: tham gia thí điểm bộ tài liệu hướng nghiệp được xây dựng trong khuôn khổ dự án; kết nối các doanh nghiệp trên địa bàn để gửi học sinh học nghề tới thực tập; giáo viên kiêm nhiệm công tác Hướng nghiệp được tham gia các khóa tập huấn của dự án.

*\* Khó khăn, hạn chế:*

- Tỷ lệ học sinh sau khi tốt nghiệp THCS vào học nghề còn thấp, nguyên nhân phần lớn là do các em còn tuổi vị thành niên, phụ huynh vẫn muốn cho con em học trung học phổ thông và học đại học. Một số học sinh sau tốt nghiệp THCS có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn phải đi lao động, làm thuê phụ giúp gia đình nên bỏ học THPT và cũng không tham gia học nghề. Bên cạnh đó, chương trình, chất lượng đào tạo của một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của đơn vị tuyển dụng lao động.

- Đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên kiêm nhiệm phụ trách HĐGDHN chưa được đào tạo, giáo viên chuyên trách tư vấn hướng nghiệp không có nên việc tư vấn phù hợp với học sinh chọn nghề khó thực hiện. Đa số các trường chưa chú trọng việc xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, hoặc thực hiện qua loa, hình thức. Nội dung chương trình giáo dục hướng nghiệp chưa ổn định, chưa phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Chương trình, chất lượng đào tạo của một số cơ sở giáo

dục nghề nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của đơn vị tuyển dụng lao động.

- Các nhà trường cũng như các bậc phụ huynh chưa thấy được vị trí, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục hướng nghiệp, định hướng nghề cho học sinh, nhất là đối tượng học sinh cấp THCS có học lực trung bình hoặc yếu kém hoặc không có khả năng và điều kiện tiếp tục đi học lên THPT. Học sinh sống trong những vùng có nhiều đặc điểm khác nhau về phong tục tập quán, kinh tế, điều kiện tự nhiên... nên HĐGDHN gặp nhiều khó khăn, không đồng bộ và có nhiều bất cập.

- Cơ sở vật chất trong các nhà trường như phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học còn thiếu. Việc huy động các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia vào HĐGDHN chưa chặt chẽ, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp.

### *1.7. Kết quả triển khai giáo dục STEM trong giáo dục trung học*

Căn cứ tình hình thực tế về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, tích cực triển khai thực hiện giáo dục STEM đối với bậc trung học theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sở GD&ĐT Hòa Bình đã hướng dẫn các đơn vị triển khai hoạt động NCKH, tổ chức cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học và tổ chức ngày hội giáo dục STEAM năm học 2022-2023 tại các văn bản: Công văn số 2351/SGD&ĐT-TrH ngày 31/8/2022 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023; Kế hoạch số 2488/KH-SGD&ĐT-TrH ngày 13/9/2022 của Sở GD&ĐT về triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học cho học sinh trung học, tổ chức Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học tỉnh Hoà Bình và tổ chức ngày hội giáo dục STEAM năm học 2022-2023.

#### *Kết quả:*

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã mời Bộ GD&ĐT tổ chức tập huấn cho 300 cán bộ quản lý, giáo viên nội dung xây dựng các chủ đề/bài học tích hợp nội dung Giáo dục STEM với mục tiêu giúp giáo viên hiểu rõ việc xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy chủ động, tích cực, tự học thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động để thực hiện cả trên lớp và ngoài lớp học, phát triển các năng lực đó cho học sinh, trong quá trình dạy học cần phải tổ chức hoạt động dạy học trong giáo dục phổ thông cho học sinh được hoạt động học phỏng theo chu trình STEM.

- Các đơn vị nhà trường, 10 phòng GD&ĐT các huyện, thành phố đã tổ chức tốt ngày hội Stem cấp trường, cấp huyện. Ngày 09/12/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức thành công “Ngày hội Stem” cùng với cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh. Đối với cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, có 105 dự án tham gia dự thi, trong đó có 50 dự án dự thi của học sinh bậc THCS (48 dự án thuộc 09 phòng GD&ĐT, 2 dự án của 2 trường PT DTNT THCS&THPT), 55 dự án dự thi của học sinh THPT. Các dự án tham gia dự thi ở hầu hết các lĩnh vực của cuộc thi do Bộ GD&ĐT Quy định. Trong đó một số lĩnh vực của cuộc thi có số dự án tham gia dự thi nhiều như: Kỹ thuật cơ khí, năng lượng vật lý, Kỹ thuật môi trường, Robot và máy thông minh, khoa học xã hội và hành vi... Đây đã là sân chơi khoa học bổ ích, lý thú được ngành GD&ĐT tổ chức nhằm khơi dậy

tin thần sáng tạo trong giáo viên, học sinh, đẩy mạnh việc học tập lý thuyết gắn với thực tiễn cuộc sống. Là cơ hội cho các em học sinh thể hiện đam mê, tìm tòi, khám phá, sáng tạo khoa học.

Đặc biệt, đây là năm học đầu tiên Sở GD&ĐT tổ chức ngày hội giáo dục Steam cấp tỉnh với 109 sản phẩm trưng bày đến từ các đơn vị trường học của 10 huyện/thành phố. Các sản phẩm dự án trưng bày thể hiện được tính sáng tạo, có sự đầu tư nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu khoa học, phù hợp với lứa tuổi và trình độ của học sinh; sản phẩm nghiên cứu có giá trị thực tiễn. Các gian trưng bày đã cho thấy sự chuẩn bị chu đáo, công phu, bài bản và sự đầu tư của các đơn vị tham gia trưng bày sản phẩm. Ngày hội STEAM cấp tỉnh cũng chứng kiến màn trình diễn đặc sắc của 13 sản phẩm đến từ 7 phòng GD&ĐT các huyện thành phố và 6 trường THPT. Các em học sinh tham gia trình diễn đã thể hiện sự tự tin, sáng tạo của các em học sinh thông qua quá trình thuyết minh dự án, đồng thời khẳng định được rằng các em đã nắm vững kiến thức để nghiên cứu, vận dụng để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống hằng ngày. Các sản phẩm tham gia đều được chuẩn bị chu đáo, đầu tư kỹ lưỡng, có tính sáng tạo, tính ứng dụng. Kết quả có 112 sản phẩm Stem của học sinh các trường có cấp THCS và THPT trên toàn tỉnh được trưng bày. Trong đó có 13 sản phẩm của 24 học sinh được tặng giấy khen Sản phẩm tiêu biểu trong “Ngày hội Stem” cấp tỉnh của Giám đốc Sở GD&ĐT.

### *1.8 Kết quả dạy học môn Tiếng Anh*

- Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc chuẩn hóa năng lực đội ngũ giáo viên tiếng Anh đồng bộ ở các cấp học THCS, THPT trên từng địa bàn (huyện/thành phố). Giáo viên tiếng Anh, cán bộ quản lý trực tiếp giảng dạy môn tiếng Anh phải xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực, xây dựng kế hoạch, lộ trình phấn đấu đạt trình độ B2 đối với giáo viên giảng dạy tại các trường THCS, trình độ C1 đối với giáo viên giảng dạy ở các trường THPT nhằm đáp ứng những yêu cầu mới về chương trình giảng dạy và kiểm tra đánh giá của bộ môn tiếng Anh.

- Các trường THPT, các trường PT DTNT THCS&THPT, các phòng GD&ĐT tăng cường tổ chức cho giáo viên tiếng Anh sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, cụm huyện; phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên cốt cán trong sinh hoạt chuyên môn; tổ chức dự giờ thăm lớp, thao giảng, chia sẻ kinh nghiệm để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh đáp ứng yêu cầu môn học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tiếp tục thực hiện việc đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực kiểm tra đánh giá đặc biệt là năng lực kiểm tra nói tiếng Anh, năng lực xây dựng ma trận đề, năng lực ra đề và đánh giá đề ra theo chuẩn Quốc gia và Quốc tế. Cử đội ngũ giáo viên cốt cán môn tiếng Anh dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh của học sinh cuối các cấp học đạt tương đương khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho

Việt Nam. Tiếp tục đẩy mạnh, phát triển môi trường dạy và học tiếng Anh, nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục. Mỗi đơn vị duy trì 01 câu lạc bộ tiếng Anh và tổ chức hoạt động định kỳ hằng tháng; tổ chức ngoại khóa tiếng Anh ít nhất 01 lần trong một năm học.

- Tiếp tục nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học tiếng Anh trong các nhà trường; bố trí ngân sách bổ sung đủ các thiết bị dạy học tiếng Anh thông thường và phòng học có thiết bị dạy học chuyên dụng. Từng bước trang bị phần mềm học tiếng Anh và sách song ngữ trong các nhà trường. Nghiên cứu, khai thác các hệ thống hỗ trợ dạy và học tiếng Anh trực tuyến và trên máy tính của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khuyến khích giáo viên tham gia xây dựng bài giảng và học liệu điện tử môn tiếng Anh. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong việc tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục.

### *2.9. Tiếp tục thực hiện các nội dung giáo dục tích hợp*

- Sở chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; công tác xã hội trong trường học. Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phổ biến, giáo dục pháp luật; phòng chống tệ nạn xã hội và phòng, chống tham nhũng; chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý cho học sinh các trường phổ thông theo Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 17/12/2017 của Bộ GD&ĐT. Triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong các trường học phổ thông theo Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/04/2019 của Bộ GD&ĐT; triển khai công tác xã hội trong trường học theo Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT, chú trọng hỗ trợ các học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

### *2.10. Kết quả nhiệm vụ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật*

- Tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục học sinh khuyết tật; tăng cường huy động các nguồn lực hỗ trợ học sinh và giáo viên trong dạy học hòa nhập. Các đơn vị có học sinh học hòa nhập thực hiện theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

- Các nhà trường đã thực hiện đúng việc đánh giá học sinh khuyết tật thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT, Điều 11 Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT (đối với lớp 6), trong đó cần lưu ý: Các trường THPT, các trường phổ

thông có nhiều cấp học có cấp THCS vận dụng Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh theo hướng tạo điều kiện tối đa để học sinh khuyết tật được tham gia học hòa nhập và có thể học lên sau THCS, THPT; chú trọng đánh giá sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập. Đối với học sinh khuyết tật nặng, cần có sự hỗ trợ riêng, linh hoạt trong đánh giá, xếp loại học sinh.

*2.11. Kết quả tổ chức các hoạt động tập thể, các hoạt động giáo dục; giáo dục kỹ năng sống*

Đối với Chương trình GDPT 2006, các đơn vị trường học tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa chuyên mạnh sang hướng hoạt động trải nghiệm; tăng cường tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống; kỹ năng khởi nghiệp, tư duy thiết kế, tư duy quản lý tài chính cho học sinh; khuyến khích học sinh tham gia các câu lạc bộ sở thích. Tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Khuyến khích tổ chức, thu hút học sinh tham gia các hoạt động góp phần phát triển năng lực học sinh như: văn hóa - văn nghệ, thể dục – thể thao;... trên cơ sở tự nguyện của nhà trường, cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh trung học, phát huy sự chủ động và sáng tạo của các địa phương, đơn vị; tăng cường tính giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới. Đối với CT GDPT 2018, các đơn vị nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục; giáo dục kỹ năng sống theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*2.13. Tổ chức các kỳ thi, các cuộc hội thảo*

- Tổ chức thành công Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học. Kết quả: có 105 dự án tham dự, trong đó có 5 giải Nhất, 7 giải Nhì, 27 giải Ba, 44 giải Khuyến khích.

- Tổ chức thi Nghề phổ thông cho 7.137 học sinh trung học phổ thông trên toàn tỉnh. Kết quả có 7.129 học sinh đạt từ Trung bình trở lên.

- Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp THCS các môn Toán, Công nghệ, Giáo dục thể chất, Địa lý. Tổng số 89 giáo viên dự thi. Kết quả: 10 giải Nhất, 16 giải Nhì, 20 giải Ba, 21 giải Khuyến khích và 22 giáo viên được công nhận là Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

- Kết quả 2 mặt giáo dục học kỳ 1 năm học 2022-2023: Theo *Phụ lục* kèm theo.

**2. Duy trì ổn định mạng lưới trường, lớp; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia; phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên, trường chất lượng cao.**

Quy mô phát triển GDTrH của Sở GD&ĐT Hòa Bình năm học 2022-2023 tiếp tục giữ vững ổn định và phát triển, cụ thể:

- Quy mô phát triển giáo dục trung học cơ sở (THCS): toàn tỉnh có 233 trường có học sinh trung học cơ sở (THCS) (gồm trường THCS, trường Tiểu học và Trung học cơ sở (TH&THCS), trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung



học cơ sở và Trung học phổ thông (PT DTNT THCS&THPT), trường phổ thông có nhiều cấp học, trường Phổ thông thực hành chất lượng cao (PT THCLC) Nguyễn Tất Thành, trường Phổ thông Liên cấp Sao Mai. Trong đó có 12 trường PT DTNT THCS và trường PT DTNT THCS&THPT có cấp THCS.

- Quy mô phát triển giáo dục trung học phổ thông (THPT): toàn tỉnh có 36 trường THPT, 11 trường PT DTNT THCS&THPT và 01 trường phổ thông nhiều cấp học có học sinh THPT với tổng 733 lớp và 25.875 học sinh.

- Trong năm học 2022-2023, Sở GD&ĐT Hoà Bình tiếp tục xây dựng và củng cố mạng lưới trường lớp theo kế hoạch, kiện toàn sắp xếp các trường, đa dạng hoá để mở rộng quy mô bậc trung học, đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương. Mạng lưới trường lớp phát triển đến xóm, bản phục vụ nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đối với bậc THCS: 100% các xã đều có 1 trường THCS hoặc TH&THCS để tạo điều kiện thu hút học sinh theo học đúng độ tuổi. Đối với bậc THPT: mỗi huyện, thành phố đều có từ 02 đến 04 trường THPT. Các trường THPT, THCS đều đảm bảo tỷ lệ học sinh trên lớp theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

### **3. Kết quả triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018**

Sở GD&ĐT đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 06/01/2022 về triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023; Công văn số 4020/BGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2022-2023; Công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày 06/01/2022 về việc hướng dẫn chuyên đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập cấp THPT.

Các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT: Công văn số 2352/SGD&ĐT-TrH ngày 31/8/2022 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Trung học năm học 2022-2023; Công văn số 2315/SGDĐT-TrH ngày 29/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023; Công văn số 2312/SGDĐT-GDTrH, ngày 29/8/2022 về hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông; nâng cao chất lượng dạy - ôn tập lớp 9 và dạy - ôn thi tốt nghiệp THPT từ năm học 2022-2023; Công văn số 2087/SGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2022 hướng dẫn thực hiện Thông tư số 13/2022/TT- BGDĐT ngày 13/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đăng kí sách giáo khoa; Công văn số 130/SGDĐT-GDTrH, ngày 07/01/2022 về việc hướng dẫn chuyên đổi môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập cấp THPT.

*3.1. Đối với việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6, lớp 7 và lớp 10*

- Sở GD&ĐT tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, trường học tiếp tục nghiên cứu kĩ chương trình giáo dục tổng thể, chương trình giáo dục môn học đồng thời căn cứ tình hình thực tiễn nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch giáo dục môn học đảm bảo tính phù hợp, sáng tạo và hiệu quả.

- Đối với giáo viên: xây dựng kế hoạch cá nhân, xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) trên tinh thần đổi mới, phát huy cao nhất sự chủ động tích cực tham gia của học sinh vào từng hoạt động học, dành nhiều thời gian để học sinh được trao đổi, thảo luận, tự học.

- Tăng cường sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường để trao đổi thảo luận những vấn đề mới, khó trong quá trình triển khai.

- Đối với các môn tích hợp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và nội dung giáo dục địa phương triển khai tổ chức dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 2315/SGDĐT-TrH ngày 29/8/2022 của Sở GD&ĐT.

- Chương trình giáo dục địa phương: các đơn vị xây dựng kế hoạch giảng dạy với thời lượng 35 tiết; bố trí hợp lý giáo viên giảng dạy theo các lĩnh vực: văn hóa, lịch sử truyền thống, địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, chính trị - xã hội, môi trường.

- Đối với môn Khoa học tự nhiên lớp 6, lớp 7: Sở GD&ĐT đã chỉ đạo Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch dạy học đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất của nhà trường; ưu tiên xây dựng kế hoạch môn học và tổ chức dạy học các nội dung theo đúng thứ tự các chủ đề trong sách giáo khoa.

- Tổ chức dạy học môn Lịch sử và Địa lí, môn Nghệ thuật cần lưu ý bố trí dạy học đồng thời các phân môn Lịch sử, Địa lí (đối với môn Lịch sử và Địa lí), các nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật (đối với môn Nghệ thuật) bảo đảm tương đương về thời lượng trong từng học kì.

- Đối với môn Tin học, Sở GD&ĐT yêu cầu các phòng GD&ĐT chỉ đạo các đơn vị nhà trường, các trường PT DTNT có cấp THCS thực hiện như sau:

Tích cực tham mưu với Đảng ủy, Chính quyền, cơ quan quản lí các cấp bố trí đủ đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất để thực hiện dạy bộ môn Tin học theo lộ trình được quy định tại Thông tư số 32 và Thông tư số 13 của Bộ GD&ĐT.

Đối với các lớp của cấp trung học cơ sở chưa thực hiện được môn Tin học cần tiến hành rà soát, thống kê và báo cáo về Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT số lượng các đơn vị không thực hiện được, nguyên nhân, giải pháp khắc phục trong những năm học tiếp theo; tiếp tục triển khai thực hiện tốt dạy học tự chọn đối với môn học này để HS có điều kiện học tiếp tục ở cấp trung học phổ thông.

#### *3.4. Chuẩn bị triển khai Chương trình GDPT 2018 với các lớp tiếp theo*

a) Thực hiện góp ý, lựa chọn sách giáo khoa lớp 8 và lớp 11:

Tiếp tục tham gia góp ý cho SGK lớp 8, lớp 11 theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, đảm bảo đúng tiến độ thời gian quy định.

Thực hiện tốt công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 8, lớp 11 theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ GD&ĐT quy định về việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở GDPT. Phối hợp với các Nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn để đảm bảo cung ứng sách giáo khoa và tổ chức tập huấn sử dụng sách giáo khoa cho giáo viên dạy SGK lớp 7, lớp 10. Huy động các nguồn lực hỗ trợ sách giáo khoa cho học sinh thuộc chế độ chính sách, học sinh vùng

sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

b) Thực hiện góp ý và dạy thử nghiệm chương trình giáo dục địa phương đối với lớp 11.

### 3.5. Chuẩn bị đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a) Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trung học

Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên ở từng môn học, lớp học, cấp học để xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ giáo viên; xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ sở đào tạo giáo viên để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thực hiện Chương trình GDPT mới phù hợp với kế hoạch của Bộ GD&ĐT. Rà soát, thống kê số lượng, cơ cấu giáo viên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông theo chuẩn đào tạo quy định tại Luật Giáo dục 2019 để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung. Xây dựng và thực hiện kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục; xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên, nhân viên, nhất là các môn Tin học, Ngoại ngữ, Nghệ thuật, Khoa học tự nhiên, Lịch sử - Địa lí, Hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp, Giáo dục địa phương, Mĩ thuật, Âm nhạc (đối với cấp THPT) đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018.

b) Tổ chức tốt việc tập huấn giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở GDPT cốt cán và đại trà các mô đun về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường trong năm 2022. Tiếp tục rà soát, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở GDPT cốt cán và giáo viên cốt cán các môn học; triển khai bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở GDPT và giáo viên đại trà theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường.

3.6. Xây dựng kế hoạch tổng thể và của từng năm để thực hiện Kế hoạch 139/KH-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và GDPT giai đoạn 2017- 2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Các nhà trường sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học thực hiện CT GDPT, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

3.7. Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng xã hội về chương trình, sách giáo khoa GDPT mới; biểu dương kịp thời gương người tốt, việc tốt trong thực hiện đổi mới CT GDPT.

3.8. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT trên địa bàn theo phân cấp quản lý. Các phòng GD&ĐT, các trường trực thuộc Sở GD&ĐT tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT tại địa phương hằng năm, báo cáo về Sở

GD&ĐT cùng với báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học.

#### **4. Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý**

- Sở GD&ĐT chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TU ngày 04/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình về nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 22/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 50 của BTVTU với các nhiệm vụ trọng tâm sau: tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy Đảng, chính quyền về đổi mới giáo dục phổ thông; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả CT, SGK GDPT mới nâng cao chất lượng GDPT; đổi mới công tác quản lý giáo dục. Trong đó tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục theo hướng giao quyền tự chủ cho các nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục; nâng cao năng lực quản trị, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong các trường phổ thông với chất lượng giáo dục của đơn vị.

- Chỉ đạo việc thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về chuyên môn và nghiệp vụ theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Sở GD&ĐT đã yêu cầu các trường trung học chủ động rà soát đội ngũ, bố trí sắp xếp để đảm bảo về số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên, nhân viên cho các môn học, nhất là các môn Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Mỹ thuật, Âm nhạc, Công nghệ, Thể dục, Giáo dục quốc phòng - an ninh, cán bộ tư vấn trường học, nhân viên phụ trách thư viện, thiết bị dạy học. Thực hiện kỷ cương, nền nếp trong các hoạt động chuyên môn.

- Tiếp tục rà soát đánh giá năng lực giáo viên ngoại ngữ (môn tiếng Anh), tổ chức bồi dưỡng theo chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT đáp ứng việc triển khai Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020" tại địa phương, cơ sở giáo dục. Những giáo viên chưa đạt chuẩn năng lực tiếng Anh hoặc chưa được bồi dưỡng về phương pháp dạy tiếng Anh thì được bố trí đi học để đạt chuẩn/yêu cầu trước khi phân công dạy học. Việc bồi dưỡng giáo viên phải gắn với việc bố trí, sử dụng có hiệu quả.

- Sở GD&ĐT tiếp tục tổ chức hiệu quả công tác tập huấn các nội dung: dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo chuyên đề tích hợp, liên môn; tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo; tổ chức công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật và cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học; giáo dục kỹ năng sống; công tác giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ phụ trách công tác Đoàn, Đội, giáo viên tư vấn trường học; đã được tiếp thu trong các đợt tập huấn của Bộ GD&ĐT.

#### **6. Đổi mới công tác quản lý giáo dục trung học**

- Giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục trung học xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường. Kế hoạch giáo dục của mỗi trường được xây dựng từ kế hoạch của tổ chuyên môn, báo cáo Phòng GD&ĐT (đối với trường

THCS) và Sở GD&ĐT (đối với trường THPT). Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra của cấp trên phải dựa trên kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS.

- Tiếp tục chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo yêu cầu tại Chỉ thị số 138/CT-BGD&ĐT ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; công văn 197/SGD&ĐT-VP ngày 28/01/2019 về việc thực hiện Chỉ thị số 138/CT-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; công văn số 2188/SGD&ĐT-VP ngày 27/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 138 của Bộ GD&ĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường. Nâng cao chất lượng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục trung học; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý và báo cáo.

- Tăng cường kiểm tra, tư vấn hướng dẫn công tác quản lý hoạt động dạy học, kiểm định chất lượng giáo dục của các nhà trường; nâng cao hiệu quả quản lý các cơ sở giáo dục trung học tư thục.

### **7. Đẩy mạnh công tác truyền thông**

Thực hiện tốt công tác truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội và của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT về đổi mới giáo dục trung học; chủ động cung cấp thông tin cho các đại biểu quốc hội và các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương về tình hình thực hiện các chủ trương, chính sách đổi mới đối với giáo dục trung học; tình hình và kết quả triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới đối với giáo dục trung học để được chia sẻ, đồng thuận, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

## **IV. Đánh giá chung**

### **1. Những thành tựu đạt được**

- Quy mô trường, lớp, học sinh, giáo viên bậc THCS, THPT được củng cố và phát triển hợp lý.

- Có sự chỉ đạo kịp thời công tổ chức và quản lý hoạt động chuyên môn trong trường trung học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Triển khai đến các đơn vị, trường học Công văn số 4612/BGD&ĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ GD&ĐT, trong đó đặc biệt chú trọng triển khai các nội dung như: Một số đơn vị trường học đã thực hiện có hiệu quả việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá; tăng cường chỉ đạo, quản lý hoạt động dạy học, giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ

quản lí và giáo viên. Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kĩ thuật dạy học tích cực theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đổi mới nội dung, phương thức đánh giá học sinh có hiệu quả.

- Về dạy và học ngoại ngữ: triển khai mạnh mẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; tập huấn nâng cao năng lực dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra, đánh giá môn tiếng Anh; tổ chức tốt công tác dạy thí điểm Chương trình tiếng Anh 10 năm đối với cấp THPT và cấp THCS.

- Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý chuyên môn; sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, công tác bồi dưỡng các nội dung chuyên môn, nâng cao tay nghề cho giáo viên; đổi mới quản lí việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục trong việc xây dựng kế hoạch dạy học, phân phối chương trình chi tiết đảm bảo phù hợp với điều kiện của địa phương và từng trường. Tăng cường điều kiện đảm bảo và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý;

- Tổ chức tốt kì thi giáo viên dạy giỏi cấp THCS, trong quá trình tổ chức đã thực hiện đổi mới cách đánh giá giờ dạy trong Hội thi, đánh giá hiệu quả hoạt động học của học sinh, qua đó đánh giá được vai trò tổ chức, kiểm tra, định hướng trong hoạt động dạy của giáo viên. Tổ chức tốt các Cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp tỉnh và ngày hội Stem dành cho học sinh Trung học.

- Thực hiện tốt công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia đối với cấp THCS, THPT gắn với công tác xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

- Thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp, giáo dục nghề phổ thông và công tác phân luồng học sinh.

## 2. Những tồn tại, hạn chế

- Mặc dù đạt được các kết quả nhất định nhưng chất lượng giáo dục cấp trung học của tỉnh Hòa Bình còn có sự chênh lệch giữa các vùng. Kết quả các mặt giáo dục của các trường có cấp THPT và THCS ở vùng sâu, vùng cao của tỉnh chưa cao, chuyển biến còn chậm; kỹ năng, động lực học tập của học sinh còn hạn chế.

- Năng lực của một số cán bộ quản lí còn hạn chế dẫn đến việc quản lí, chỉ đạo tư vấn, hỗ trợ cho giáo viên chưa kịp thời, chưa rõ nét, chưa tích cực kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện của giáo viên. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy của một bộ phận giáo viên còn chậm; năng lực và trách nhiệm của một bộ phận giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành và yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Một bộ phận giáo viên bộ môn tiếng Anh chưa đạt chuẩn theo khung tham chiếu châu Âu (B2 đối với giáo viên THCS, C1 đối với GV THPT); tỷ lệ học sinh THCS và học sinh THPT được học chương trình tiếng Anh 10 năm theo Đề án NNQG còn thấp.

- Việc triển khai giảng dạy bộ môn giáo dục nghề phổ thông tại một số đơn vị, trường học còn hình thức, hiệu quả chưa cao do nội dung trong chương trình giáo dục nghề phổ thông chưa sát với thực tiễn địa phương; chưa phù hợp với nhu cầu của học sinh. Một số nghề đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề chưa phù hợp, chưa gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch nông thôn mới.

- Tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp so với cả nước, đặc biệt đối với cấp THPT. Kết quả đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 2 chưa thật sự bền vững do một số địa phương có điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ bỏ học của học sinh còn nhiều, tỷ lệ thanh, thiếu niên trong độ tuổi phổ cập hoàn thành chương trình THCS còn thấp.

- Nhiều đơn vị, trường học còn khó khăn về hạ tầng: thiếu diện tích đất, nhà đa năng, sân chơi, sân tập, phòng học bộ môn; nhiều trường thiếu công trình vệ sinh, nước sạch.

- Công tác xã hội hóa giáo dục ở nhiều trường còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả các nguồn lực trong xã hội cho giáo dục. Công tác tuyên truyền về chủ trương đổi mới, căn bản, toàn diện GD&ĐT; về xây dựng xã hội học tập tại một số địa phương, đơn vị, trường học chưa thực sự hiệu quả. Còn không ít cán bộ và nhân dân chưa hiểu đầy đủ về yêu cầu bức thiết của việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng xã hội học tập.

- Về việc thực hiện Chương trình GDPT 2018: hiện nay tỉnh Hòa Bình còn thiếu giáo viên giảng dạy các môn mới của GDPT 2018. Là năm đầu thực hiện chương trình mới đối với lớp 10 nên trong quá trình triển khai còn gặp một số lúng túng nhất định trong công tác chỉ đạo và giảng dạy. Một số cán bộ, giáo viên vùng sâu, vùng xa còn hạn chế trong việc tiếp cận chương trình mới. Điều kiện cơ sở vật chất nhiều trường chưa đảm bảo cho việc thực hiện chương trình mới.

## **Phần II**

### **MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TẬP TRUNG TRIỂN KHAI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 – 2023**

1. Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông theo tinh thần Luật Giáo dục 2019; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014; Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 về đổi mới Chương trình, Sách Giáo khoa giáo dục phổ thông của Quốc hội; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới CT, SGK GDPT; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh đổi mới CT, SGK PT; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành chương trình Giáo dục Phổ thông; Kế hoạch 104/KH-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới. Thực hiện Kế hoạch 124/KH-UBND ngày 26/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc triển khai thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TU ngày 04/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hòa Bình về nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông và Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 22/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 50 của BTVTU với các nhiệm vụ trọng tâm sau: Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy Đảng, chính quyền về đổi mới giáo dục phổ thông; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả CT, SGK GDPT mới nâng cao chất lượng GDPT; đổi mới công tác quản lý giáo dục.

3. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chủ yếu và các giải pháp cơ bản của ngành phù hợp giáo dục trung học, điều kiện từng địa phương, cơ sở giáo dục, gắn với việc tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong mỗi cơ sở giáo dục.

4. Tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục theo hướng giao quyền tự chủ cho các nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục; nâng cao năng lực quản trị, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; các nhà trường cần xây dựng quy chế gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong các trường phổ thông với chất lượng giáo dục của đơn vị, gắn trách nhiệm của cá nhân giáo viên với chất lượng giáo dục của bộ môn mình giảng dạy; thực hiện tốt chức năng giám sát của xã hội và kiểm tra của cấp trên.

5. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) và kiểm tra đánh giá (KTĐG) tích cực theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, chú trọng các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; đặc biệt chú trọng việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và kết quả thi cuối cấp THPT.

6. Tiếp tục tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới CT GDPT. Tiếp tục bồi dưỡng các modul của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho 100% giáo viên trung học trên toàn tỉnh. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh theo Công văn 4612/2017/BGD&ĐT; đổi mới nội dung, phương thức đánh giá học sinh có hiệu quả theo Thông tư 26/2020/BGD&ĐT. Nâng cao năng lực của giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên làm công tác Đoàn, Hội, Đội, tư vấn tâm lý trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện cho học sinh.

7. Đẩy mạnh triển khai “Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS trong GDPT giai đoạn 2018-2025” ban hành kèm theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 137/KH-UBND ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc thực hiện đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 – 2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (Kế hoạch 137 của UBND tỉnh).

### **Phần III**



## **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1.1. Đề nghị nâng mức hỗ trợ cho học sinh nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 từ 80% mức lương tối thiểu lên 100% và nâng mức hỗ trợ cho học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ từ 40% lên 100% mức lương tối thiểu; Sửa đổi bổ sung chế độ trang cấp hiện vật đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và dự bị đại học theo Thông tư số 109/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính cho phù hợp với thực trạng hiện nay; Tăng mức hỗ trợ tiền nhà ở đối với học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường được từ 10% lên 30% mức lương cơ sở quy định.

1.2. Có Quy định và hướng dẫn cụ thể về vị trí việc làm đối với nhân viên làm công tác nuôi dưỡng để có chỉ tiêu tuyển dụng với đối tượng này; hướng dẫn định mức biên chế đối với giáo viên ngoại ngữ, giáo viên tin học cấp trung học cơ sở.

1.3. Ban hành hướng dẫn về hạng trường đối với các trường liên cấp; bổ sung vị trí việc làm nhân viên nấu ăn, nhân viên điện nước cho các trường PTDTBT tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

1.4. Đề nghị Bộ GD&ĐT có các văn bản hướng dẫn về công tác dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường.

1.5. Đề nghị Bộ GD&ĐT có văn bản hướng dẫn Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 08 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông để Sở GD&ĐT Hòa Bình có căn cứ lập dự toán chi cho Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa mới.

1.6. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hướng dẫn về thi tốt nghiệp THPT đối với học sinh học CT GDPT 2018.

### **2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình**

2.1. Đề nghị UBND tỉnh có văn bản đề nghị Bộ GDĐT phối hợp các Bộ, Ngành liên quan tham mưu Chính phủ cho phép tuyển dụng nhân viên y tế đối với các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú và các trường học vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn; tuyển dụng nhân viên kế toán, y tế, thư viện thiết bị đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn xây dựng trường chuẩn quốc gia, xây dựng nông thôn mới.

2.2. Quan tâm, ưu tiên, hỗ trợ kinh phí xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất: công trình vệ sinh, nguồn nước sạch, phòng học tin học và máy tính cho các nhà trường, đặc biệt hỗ trợ nguồn lực đầu tư xây dựng phòng ở, bếp nấu, nhà ăn cho các trường PT DTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú. Bổ sung nguồn kinh phí cho các cơ sở giáo dục phổ thông, đảm bảo mua sắm đầy đủ trang thiết bị dạy học cho các nhà trường theo lộ trình triển khai áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

2.3. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố quan tâm đến công tác tuyển dụng giáo viên, ưu tiên ngân sách địa phương, tăng cường huy động nguồn lực xã hội đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho các trường để triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới đối với và lớp 6; bổ sung kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới; có cơ chế khuyến khích phát triển loại hình trường mầm non tư thục để tăng cường tính cạnh tranh.

Trên đây là báo cáo sơ kết học kỳ I năm học 2022-2023, triển khai nhiệm vụ trọng tâm học kỳ II năm học 2022-2023 đối với lĩnh vực giáo dục trung học của Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình./.

***Nơi nhận:***

- Bộ GD&ĐT;
- GD, Các PGD Sở;
- Các phòng CN, CM, NV Sở;
- Website ngành;
- Lưu: VT, TrH (QN)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đinh Thị Hương**

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ HAI MẶT GIÁO DỤC HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**

**I. CẤP THCS****1. Khối 6, 7**

TT	Đơn vị	Khối lớp	Tổng học sinh	Học lực								Hạnh kiểm							
				Giỏi	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C. Đạt	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C. Đạt	Tỉ lệ
1	Phòng GD	Khối 6	<b>15453</b>	847	5,48	4494	29,08	8656	56,02	1456	9,42	11072	71,65	3741	24,21	629	4,07	11	0,07
		Khối 7	<b>14356</b>	859	5,98	4281	29,82	7996	55,70	1220	8,50	10107	70,40	3600	25,08	625	4,35	24	0,17
		<b>Tổng</b>	<b>29809</b>	1706	5,72	8775	29,44	16652	55,86	2676	8,98	21179	71,05	7341	24,63	1254	4,21	35	0,12
2	Dân tộc nội trú huyện	Khối 6	<b>655</b>	36	5,50	322	49,16	272	41,53	25	3,82	578	88,24	71	10,84	6	0,92	0	0,00
		Khối 7	<b>657</b>	50	7,61	297	45,21	291	44,29	19	2,89	552	84,02	100	15,22	5	0,76	0	0,00
		<b>Tổng</b>	<b>1312</b>	86	6,55	619	47,18	563	42,91	44	3,35	1130	86,13	171	13,03	11	0,84	0	0,00
3	<b>Tổng</b>	Khối 6	<b>16108</b>	883	5,48	4816	29,90	8928	55,43	1481	9,19	11650	72,32	3812	23,67	635	3,94	11	0,07
		Khối 7	<b>15013</b>	909	6,05	4578	30,49	8287	55,20	1239	8,25	10659	71,00	3700	24,65	630	4,20	24	0,16
		<b>Tổng</b>	<b>31121</b>	<b>1792</b>	<b>5,76</b>	<b>9394</b>	<b>30,19</b>	<b>17215</b>	<b>55,32</b>	<b>2720</b>	<b>8,74</b>	<b>22309</b>	<b>71,68</b>	<b>7512</b>	<b>24,14</b>	<b>1265</b>	<b>4,06</b>	<b>35</b>	<b>0,11</b>
4	Sao Mai	Khối 6	0																
		Khối 7	10	1	10	4	40	4	40	1	10	5	50	5	50		0		0
5	<b>Tổng chung</b>	Khối 6	<b>16108</b>	883	5,48	4816	29,90	8928	55,43	1481	9,19	11650	72,32	3812	23,67	635	3,94	11	0,07
		Khối 7	<b>15023</b>	910	6,06	4582	30,50	8291	55,19	1240	8,25	10664	70,98	3705	24,66	630	4,19	24	0,16
		<b>Tổng</b>	<b>31131</b>	<b>1793</b>	<b>5,76</b>	<b>9398</b>	<b>30,19</b>	<b>17219</b>	<b>55,31</b>	<b>2721</b>	<b>8,74</b>	<b>22314</b>	<b>71,68</b>	<b>7517</b>	<b>24,15</b>	<b>1265</b>	<b>4,06</b>	<b>35</b>	<b>0,11</b>

## 2. Khối 8, 9

T T	Đơn vị	Khối lớp	Tổng học sinh	Học lực										Hạnh kiểm							
				Giỏi	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	TB	Tỉ lệ	Yếu	Tỉ lệ	Kém	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	TB	Tỉ lệ	Yếu	Tỉ lệ
1	Phò ng GD	Khối 8	14079	906	6,44	4654	33,06	7478	53,11	1022	7,26	19	0,13	9960	70,74	3482	24,73	599	4,25	38	0,27
		Khối 9	12539	1052	8,39	4531	36,14	6278	50,07	668	5,33	10	0,08	8900	70,98	3199	25,51	421	3,36	19	0,15
		<b>Tổng</b>	<b>26618</b>	<b>1958</b>	<b>7,36</b>	<b>9185</b>	<b>34,51</b>	<b>13756</b>	<b>51,68</b>	<b>1690</b>	<b>6,35</b>	<b>29</b>	<b>0,11</b>	<b>18860</b>	<b>70,85</b>	<b>6681</b>	<b>25,10</b>	<b>1020</b>	<b>3,83</b>	<b>57</b>	<b>0,21</b>
2	Nội trú huy ện	Khối 8	625	48	7,68	347	55,52	225	36,00	5	0,80	0	0,00	495	79,20	116	18,56	13	2,08	1	0,16
		Khối 9	649	61	9,40	335	51,62	231	35,59	22	3,39	0	0,00	542	83,67	94	14,48	13	2,00	0	0,00
		<b>Tổng</b>	<b>1274</b>	<b>109</b>	<b>8,56</b>	<b>682</b>	<b>53,53</b>	<b>456</b>	<b>35,79</b>	<b>27</b>	<b>2,12</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>	<b>1038</b>	<b>81,48</b>	<b>210</b>	<b>16,48</b>	<b>26</b>	<b>2,04</b>	<b>1</b>	<b>0,08</b>
3	<b>Tổng</b>	Khối 8	<b>14704</b>	954	6,49	5001	34,01	7703	52,39	1027	6,98	19	0,13	10455	71,10	3598	24,47	612	4,16	39	0,27
		Khối 9	<b>13188</b>	1113	8,44	4866	36,90	6509	49,36	690	5,23	10	0,08	9442	71,60	3293	24,97	434	3,29	19	0,14
		<b>Tổng</b>	<b>27892</b>	<b>2067</b>	<b>7,41</b>	<b>9867</b>	<b>35,38</b>	<b>14212</b>	<b>50,95</b>	<b>1717</b>	<b>6,16</b>	<b>29</b>	<b>0,10</b>	<b>19898</b>	<b>71,34</b>	<b>6891</b>	<b>24,71</b>	<b>1046</b>	<b>3,75</b>	<b>58</b>	<b>0,21</b>
4	Sao Mai	Khối 8	19	4	21,1	4	21,1	10	52,6	1	5,62			8	42,1	10	52,6	1	5,26		
		Khối 9	22	6	27,3	4	18,2	10	45,5	2	9,09			9	40,9	11	50	2	9,09		
5	<b>Tổng</b> <b>g</b> <b>chung</b>	Khối 8	<b>14723</b>	958	6,51	5005	33,99	7713	52,39	1028	6,98	19	0,13	10463	71,07	3608	24,51	613	4,16	39	0,26
		Khối 9	<b>13210</b>	1119	8,47	4870	36,87	6519	49,35	692	5,24	10	0,08	9451	71,54	3304	25,01	436	3,30	19	0,14
		<b>Tổng</b>	<b>27933</b>	<b>2077</b>	<b>7,44</b>	<b>9875</b>	<b>35,35</b>	<b>14232</b>	<b>50,95</b>	<b>1720</b>	<b>6,16</b>	<b>29</b>	<b>0,10</b>	<b>19914</b>	<b>71,29</b>	<b>6912</b>	<b>24,74</b>	<b>1049</b>	<b>3,76</b>	<b>58</b>	<b>0,21</b>

## II. CẤP THPT

## 1. Khối 10

TT	Đơn vị	Khối lớp	Tổng học sinh	Học lực								Hạnh kiểm							
				Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C. Đạt	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C. Đạt	Tỉ lệ
1	THPT	Khối 10	9650	967	10,02	3185	33,01	4600	47,67	898	9,31	7531	78,04	1650	17,10	366	3,79	103	1,07
2	Sao Mai	Khối 10	40	3	7,5	7	17,5	29	72,5	1	2,5	11	27,5	26	65	3	7,5		0
3	<b>Tổng</b>	<b>Khối 10</b>	<b>9690</b>	<b>970</b>	<b>10,02</b>	<b>3192</b>	<b>33,01</b>	<b>4629</b>	<b>47,67</b>	<b>899</b>	<b>9,31</b>	<b>7542</b>	<b>78,04</b>	<b>1676</b>	<b>17,10</b>	<b>369</b>	<b>3,79</b>	<b>103</b>	<b>1,07</b>

## 2. Khối 11, 12

TT	Đơn vị	Khối lớp	Tổng học sinh	Học lực										Hạng kiểm							
				Giỏi	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	TB	Tỉ lệ	Yếu	Tỉ lệ	Kém	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	TB	Tỉ lệ	Yếu	Tỉ lệ
1	THPT	Khối 11	8664	1329	15,34	3667	42,32	3260	37,63	385	4,44	23	0,27	7079	81,71	1217	14,05	288	3,32	80	0,92
		Khối 12	8280	1869	22,57	4280	51,69	2062	24,90	65	0,79	4	0,05	7339	88,64	805	9,72	122	1,47	14	0,17
		<b>Tổng</b>	<b>16944</b>	<b>3198</b>	<b>18,87</b>	<b>7947</b>	<b>46,90</b>	<b>5322</b>	<b>31,41</b>	<b>450</b>	<b>2,66</b>	<b>27</b>	<b>0,16</b>	<b>14418</b>	<b>85,09</b>	<b>2022</b>	<b>11,93</b>	<b>410</b>	<b>2,42</b>	<b>94</b>	<b>0,55</b>
2	Sao Mai	Khối 11	22	3	14	9	41	10	45	0	0	0		10	45	9	41	3	14		
		Khối 12	20	4	20	10	50	6	30					15	75	5	25				
3	Tổng	Khối 11	8686	1332	15,34	3676	42,32	3270	37,63	385	4,44	23	0,27	7089	81,71	1226	14,05	291	3,32	80	0,92
		Khối 12	8300	1873	22,57	4290	51,69	2068	24,90	65	0,79	4	0,05	7354	88,64	810	9,72	122	1,47	14	0,17
		<b>Tổng</b>	<b>16986</b>	<b>3205</b>	<b>18,87</b>	<b>7966</b>	<b>46,90</b>	<b>5338</b>	<b>31,41</b>	<b>450</b>	<b>2,66</b>	<b>27</b>	<b>0,16</b>	<b>14443</b>	<b>85,09</b>	<b>2036</b>	<b>11,93</b>	<b>413</b>	<b>2,42</b>	<b>94</b>	<b>0,55</b>